

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 – 01 – 2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh H

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Diễm Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Hồ Thị Kim Luyến**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hồ Giáp Đỡ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ: Ông Nguyễn Xuân Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 703/2020/TLST-HNGĐ 26 tháng 12 năm 2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 888/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HN ngày 11 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Mai Kim T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 10-12, đường số 24, khu dân cư T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Đoàn Văn H**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 3947/4, tổ 4 khu vực 2, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 07 năm 2019 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn Mai Kim T trình bày:

Vào năm 2012 qua tìm hiểu nên tôi và ông Đoàn Văn H tự nguyện tìm hiểu để đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/3/2016 tại UBND thị trấn C, huyện C, thành phố Cần Thơ. Trong quá trình chung sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau trong tính cách, vợ chồng thường xuyên gây cãi, ông H thường xuyên có những lời nói xúc phạm đến vợ, cha mẹ vợ làm tinh thần tôi và cha mẹ tôi luôn luôn bất an. Sau nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thành, mâu thuẫn càng trầm trọng. Nay tình cảm không thể hàn gắn, không thể tiếp tục sống chung với ông H nên tôi xin được ly hôn với ông Đoàn Văn H.

Về nuôi con chung: Giữa bà và ông H có 01 con chung tên Đoàn Khánh H (nam) sinh ngày 21/9/2016. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng, đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đoàn Văn H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến, không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà T giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu và đồng ý để Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiến hành thông báo hòa giải ông H không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án điều đó thể hiện ông không còn tha thiết mối quan hệ hôn nhân với bà T. Đồng thời bà T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Nhận thấy mâu thuẫn của ông bà đã thật sự trầm

trọng do đó yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T; Về con chung: ông bà có 01 con chung là Đoàn Khánh H (nam) sinh ngày 21/9/2016, hiện nay cháu H đang sống với bà T, hồ sơ thể hiện có sổ bé ngoan, bà T đã tạo điều kiện cho cháu được đến nhà trẻ đúng độ tuổi, được chăm sóc, giáo dục tốt về thể chất và tinh thần, cuộc sống đã ổn định nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H của bà T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; Về nợ chung và tài sản chung: Bà T cho rằng không có và do xét xử vắng mặt ông H nên đề nghị không đặt ra xem xét, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong vụ kiện khác. Trên đây là toàn bộ quan điểm về giải quyết vụ án của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận N nhận định:

Về thủ tục: Ông Đoàn Văn H đã đã được triệu tập hợp lệ 02 lần trở lên nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do vậy Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

Xét về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Mai Kim T và ông Đoàn Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn khi phát sinh tranh chấp sẽ thuộc sự điều chỉnh của Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Do ông H là bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận N.

Về hôn nhân: Bà T và ông H tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn nên được xem đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng triệu tập ông H đến nhằm tạo điều kiện hòa giải hàn gắn cho các bên nhưng ông H không đến điều đó cho thấy ông H không tha thiết hàn gắn hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: Bà T và ông H có 01 con chung tên Đoàn Khánh H (nam) sinh ngày 21/9/2016, hiện nay con chung đang sống với bà T. Khi ly hôn bà xin được nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay cháu H đang sống với bà T, hồ sơ có Sổ bé ngoan thể hiện bà T đã tạo điều kiện cho cháu được đến nhà trẻ đúng độ tuổi,

được chăm sóc, giáo dục tốt về thể chất và tinh thần, cuộc sống đã ổn định nên yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H của bà T là có căn cứ.

Đối với yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng theo đơn khởi kiện. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, Tòa án nhận thấy do ông H vắng mặt không ghi nhận được ý kiến. Tại phiên tòa hôm nay bà T chỉ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tuy nhiên, vì lợi ích mọi mặt của cháu Khánh H các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi quyền nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không có và do xét xử vắng mặt ông H nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân quận N và quan điểm của Hội đồng xét xử là thống nhất nên ghi nhận.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326 ngày 26/12/2016 của Hội đồng thẩm phán, Tòa án nhân dân tối cao quy định án phí, lệ phí tòa án.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa bà Mai Kim T và ông Đoàn Văn H.

2. *Về nuôi con chung:* Giao con chung là cháu Đoàn Khánh H (nam) sinh ngày 21/9/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Đoàn Văn H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đoàn Văn H mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Dành quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung cho ông H không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của cháu H, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà T phải chịu tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 001776 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ thành án phí hôn nhân. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: ông Đoàn Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. N;
- Chi cục THADS Q. N;
- UBND TT Cờ Đỏ, H. Cờ Đỏ, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

ĐỖ THỊ DIỄM TRANG